

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN kéo dài trạng thái hút ròng thanh khoản trong khi tỷ giá USDVND tiếp tục hạ nhiệt

NHNN tiếp tục hút ròng thanh khoản

Trong tuần 34/2026, NHNN tiếp tục hút ròng thanh khoản tuần thứ hai liên tiếp khi áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt. Cụ thể, NHNN đã phát hành 32.03 nghìn tỷ đồng qua các hợp đồng repo mới, trong khi có 35.35 nghìn tỷ đồng kỳ hạn cũ đáo hạn, kết quả là đã hút ròng 3.31 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng.

Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt

Trong tuần này, đường cong lãi suất liên ngân hàng dốc hơn khi lãi suất các kỳ hạn ngắn giảm sâu trong khi lãi suất ở các kỳ hạn dài hơn nhìn chung không đổi, đi kèm với sự gia tăng hơn nữa của giá trị giao dịch. Cụ thể, lãi suất ở các kỳ hạn ngắn như qua đêm và 1 tuần giảm mạnh lần lượt 121 đcb và 91 đcb xuống mức tương ứng là 3.47% và 4.17%. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn bao gồm 6 tháng, 9 tháng và 1 năm ghi nhận mức giảm khiêm tốn hơn, dao động quanh 5 đcb đến 7 đcb, đạt lần lượt 7.75%, 7.80% và 7.85%. Ở chiều ngược lại, lãi suất ở phần giữa đường cong gồm 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng nhích tăng lần lượt 25 đcb, 16 đcb và 12 đcb lên mức tương ứng là 5.70%, 6.53% và 7.75%. Thêm vào đó, giá trị giao dịch bình quân ngày tăng tuần thứ ba liên tiếp, tăng 4.50% so với tuần trước lên mức 954.59 nghìn tỷ đồng..

USDVND tiếp tục hạ nhiệt

Trong tuần 34, tỷ giá USDVND trong nước giảm 0.11% so với tuần trước xuống mức 26,116, đồng pha với đà suy yếu của đồng USD trên thị trường quốc tế. Trên thế giới, đồng bạc xanh sụt giảm mạnh sau động thái bất ngờ từ Bộ Tài chính Mỹ khi tăng quy mô mua lại trái phiếu chính phủ kỳ hạn dài, đi cùng biên bản cuộc họp thận trọng của Fed và sự mạnh lên của đồng EUR trước kỳ vọng ECB tăng lãi suất. Tại thị trường trong nước, xu hướng giảm của tỷ giá vẫn duy trì vững chắc bất chấp việc khối ngoại ghi nhận bán ròng 2.66 nghìn tỷ đồng trên sàn HoSE (chiếm 3.5% tổng giá trị giao dịch).

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T2-26	T3-26	T4-26	T5-26	T6-26	T7-26	Corr.
FDI %n/n	6.3	9.3	11.9	8.8	16.3	15.4	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	11.9	11.5	11.6	13.8	14.3	14.5	-0.16
Xuất khẩu %n/n	6.4	20.6	22.8	18.5	28.1	25.0	-0.05
Nhập khẩu %n/n	4.4	27.8	35.6	33.5	45.2	41.4	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	-1.0	-0.7	-4.0	-5.2	-2.6	-3.6	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	3.4	4.7	5.5	5.6	4.7	4.4	-0.03
Tín dụng %n/n	1.3	3.2	4.6	6.0	7.7	8.4	-0.23
USDVND %t/t	0.3	1.2	0.0	-0.2	0.0	0.0	-0.3
PMI(Điểm)	54.3	51.2	50.5	52.8	51.8	52.9	-0.09
VNINDEX %t/t	2.8	-10.9	10.7	0.5	-0.2	-6.7	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN tiếp tục hút ròng thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt	3
III. Lợi suất TPCP đi ngang.....	4
IV. USDVND tiếp tục hạ nhiệt	7
Thống kê vĩ mô	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

I. NHNN tiếp tục hút ròng thanh khoản

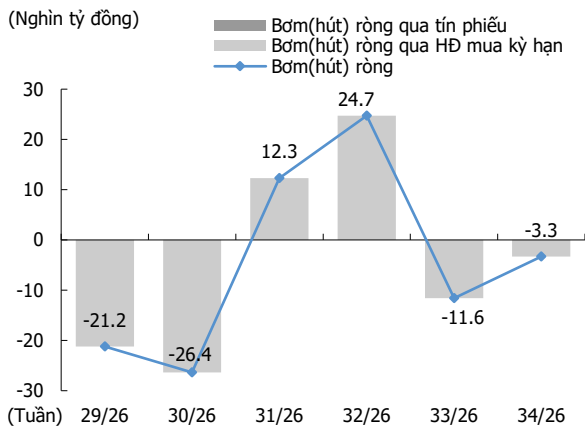
NHNN kéo dài trạng thái hút ròng thanh khoản sang tuần thứ hai liên tiếp

Trong tuần 34/2026, NHNN tiếp tục hút ròng thanh khoản tuần thứ hai liên tiếp khi áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng tiếp tục hạ nhiệt. Cụ thể, NHNN đã phát hành 32.03 nghìn tỷ đồng qua các hợp đồng repo mới, trong khi có 35.35 nghìn tỷ đồng kỳ hạn cũ đáo hạn, kết quả là đã hút ròng 3.31 nghìn tỷ đồng khỏi hệ thống ngân hàng.

Những diễn biến này cho thấy điều kiện thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng vẫn duy trì trạng thái tương đối thuận lợi, được hỗ trợ bởi các biện pháp chính sách trước đó nhằm giải tỏa các điểm nghẽn thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Các giải pháp này bao gồm việc nâng trần tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, cũng như cho phép tính một phần tiền gửi của Kho bạc Nhà nước vào tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động, qua đó giảm bớt áp lực vốn cho các ngân hàng.

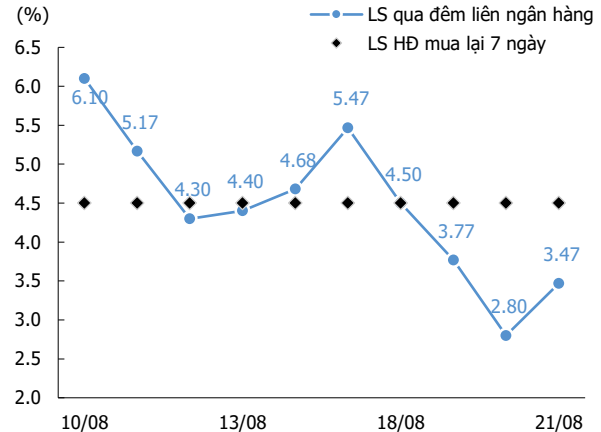
Hướng về phía trước, với kỳ vọng NHNN sẽ duy trì lập trường hỗ trợ thông qua các công cụ tái cấp vốn và các chương trình tín dụng mục tiêu, trong khi dư địa hỗ trợ thanh khoản qua kênh OMO đang dần mở rộng, chúng tôi kỳ vọng điều kiện thanh khoản sẽ tiếp tục duy trì ổn định trong ngắn hạn.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/08/26	24/08/26	7	4.04	4.50
18/08/26	25/08/26	7	3.51	4.50
19/08/26	26/08/26	7	0.10	4.50
21/08/26	28/08/26	7	0.04	4.50
Tổng		7	7.69	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 35 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
18/08/26	22/09/26	35	2.93	4.50
19/08/26	23/09/26	35	0.91	4.50
20/08/26	24/09/26	35	3.43	4.50
21/08/26	25/09/26	35	4.75	4.50
Tổng		35	12.03	

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Phát hành HĐ mua kỳ hạn 16 và 63 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/08/26	19/10/26	63	5.52	4.50
19/08/26	21/10/26	63	0.30	4.50
22/08/26	07/09/26	16	4.53	4.50
Tổng		63	10.35	

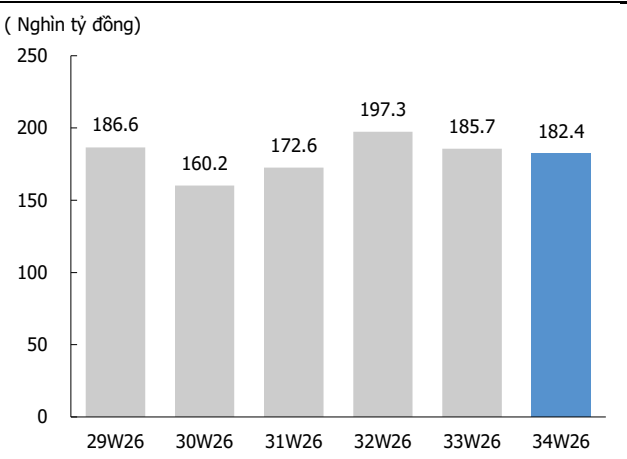
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 91 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/08/26	16/11/26	91	0.10	4.50
18/08/26	17/11/26	91	0.87	4.50
19/08/26	18/11/26	91	0.50	4.50
21/08/26	20/11/26	91	0.51	4.50
Tổng		91	1.97	

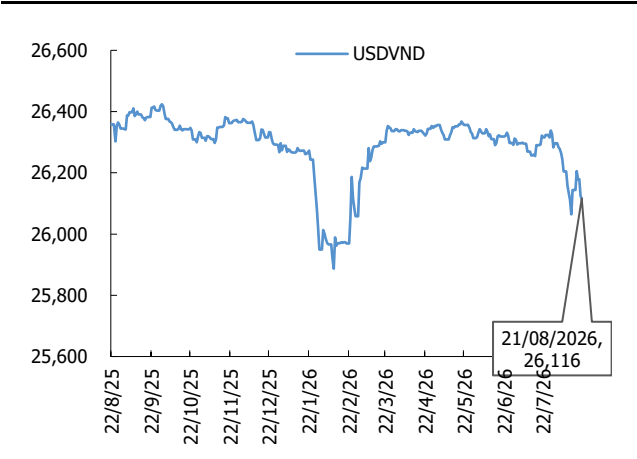
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 7. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 8. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS

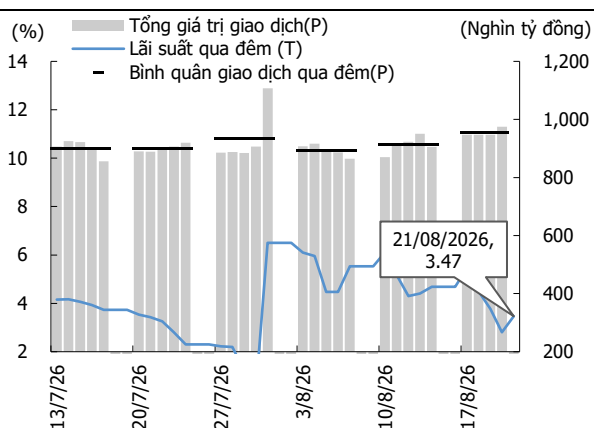
II. Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt

Lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt

Trong tuần này, lãi suất các kỳ hạn ngắn giảm sâu trong khi lãi suất ở các kỳ hạn dài hơn nhìn chung không đổi, đi kèm với sự gia tăng hơn nữa của giá trị giao dịch. Cụ thể, lãi suất ở các kỳ hạn ngắn như qua đêm và 1 tuần giảm mạnh lần lượt 121 đcb và 91 đcb xuống mức tương ứng là 3.47% và 4.17%. Trong khi đó, các kỳ hạn dài hơn bao gồm 6 tháng, 9 tháng và 1 năm ghi nhận mức giảm khiêm tốn hơn, dao động quanh 5 đcb đến 7 đcb, đạt lần lượt 7.75%, 7.80% và 7.85%. Ở chiều ngược lại, lãi suất ở kỳ hạn gồm 2 tuần, 1 tháng và 3 tháng nhích tăng lần lượt 25 đcb, 16 đcb và 12 đcb lên mức tương ứng là 5.70%, 6.53% và 7.75%. Thêm vào đó, giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 4.50% so với tuần trước lên mức 954.59 nghìn tỷ đồng.

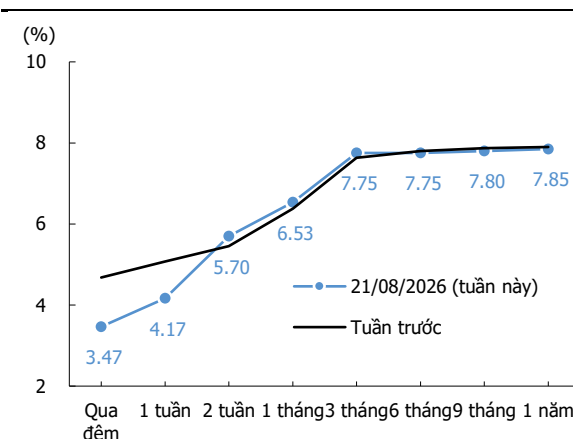
Những biến động này cho thấy điều kiện thanh khoản ngắn hạn trên toàn hệ thống ngân hàng đã hạ nhiệt, chủ yếu nhờ nguồn cung thanh khoản dồi dào, phản ánh các biện pháp nới lỏng quy định thanh khoản gần đây của Chính phủ cũng như các hành động hỗ trợ khác đã nêu ở trên. Hướng về phía trước, chúng tôi kỳ vọng lãi suất liên ngân hàng sẽ dao động quanh mức hiện tại trong bối cảnh NHNN tiếp tục điều hành thanh khoản thị trường một cách linh hoạt.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



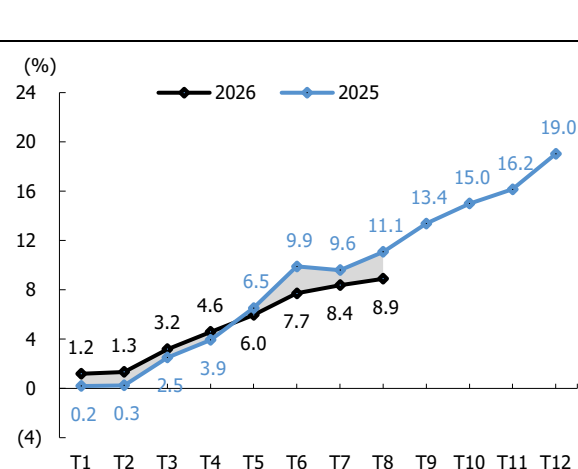
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



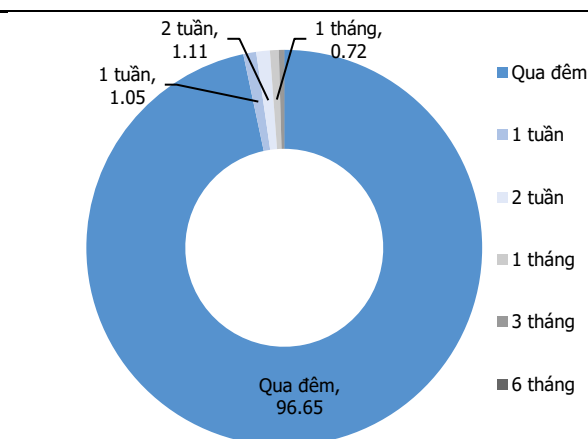
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Chú thích: Cập nhật đến ngày 6/8/2026

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



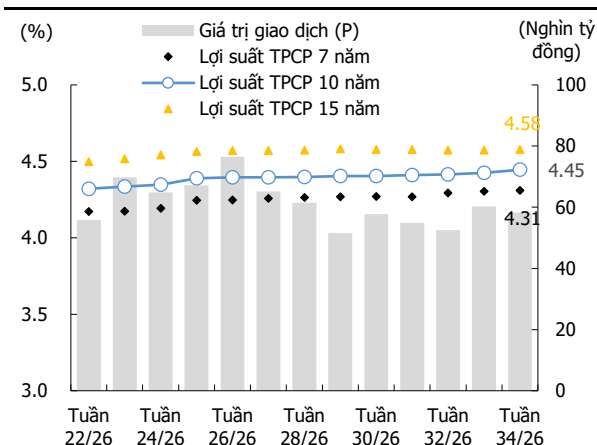
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP đi ngang

Hoạt động giao dịch TPCP chứng lại nhẹ trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp

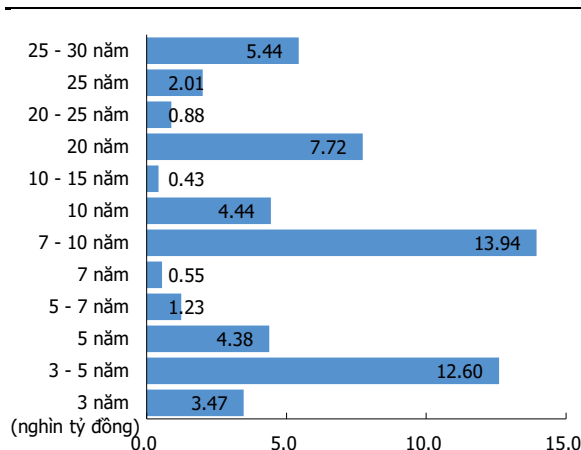
Trên thị trường thứ cấp, hoạt động giao dịch chứng lại nhẹ trong khi lợi suất nhích tăng ở một số kỳ hạn. Cụ thể, lợi suất ở các kỳ hạn giao dịch sôi động bao gồm 5 năm, 7 năm và 10 năm tăng lần lượt 1 đcb, 1 đcb và 2 đcb lên mức tương ứng là 4.25%, 4.31% và 4.45%, trong khi các kỳ hạn khác duy trì không đổi trong suốt tuần. Trong khi đó, tổng giá trị giao dịch giảm nhẹ 3.27% so với tuần trước xuống còn 58.25 nghìn tỷ đồng, đạt bình quân 11.65 nghìn tỷ đồng mỗi phiên.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



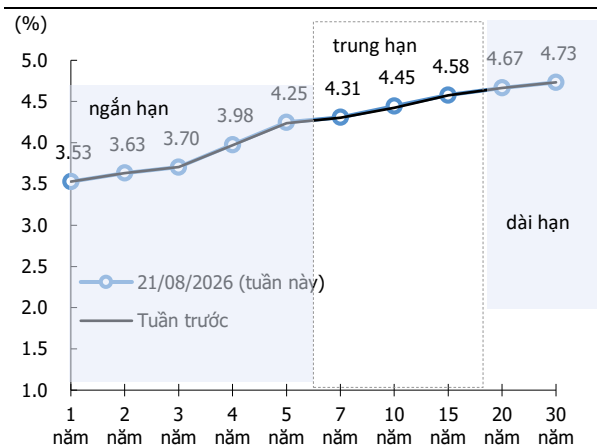
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



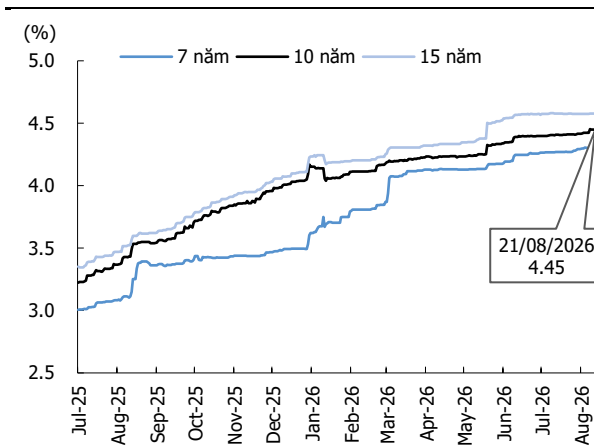
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

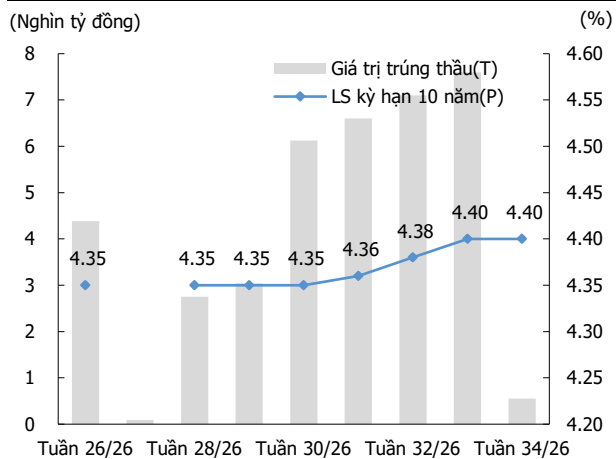
Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

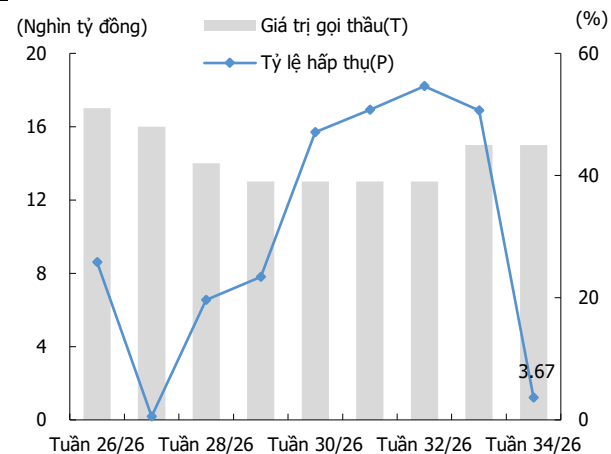
Trên thị trường sơ cấp, hoạt động phát hành cũng duy trì mức trầm lắng so với tuần trước, khi giá trị trúng thầu sụt giảm mạnh trong khi lợi suất giữ nguyên không đổi. Cụ thể, KBNN chỉ phát hành thành công 0.55 nghìn tỷ đồng trong tuần này, giảm 92.76% WoW, tương ứng với tỷ lệ trúng thầu chỉ vỏn vẹn 3.67%. Hệ quả là, tiến độ phát hành tiếp tục chậm hơn so với năm ngoái, khi KBNN mới chỉ hoàn thành 43.3% kế hoạch phát hành của năm 2026 tính từ đầu năm đến nay, thấp hơn so với mức 47.66% ghi nhận cùng kỳ năm trước.

Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần



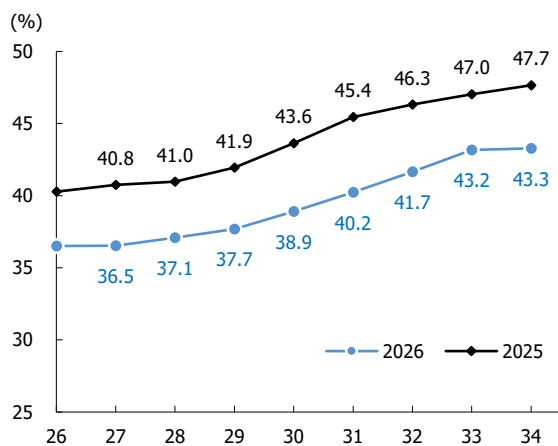
Nguồn: HNX, KIS

Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần



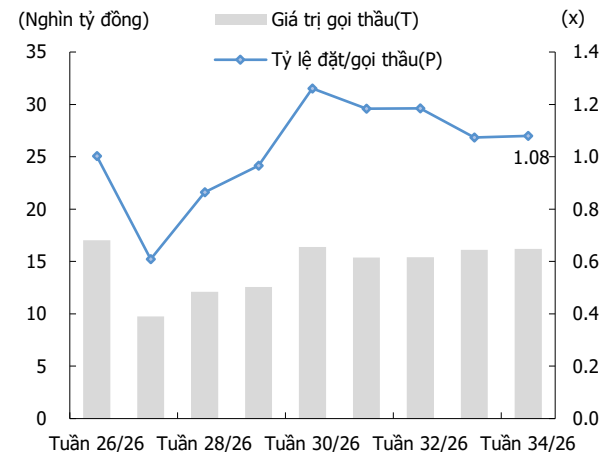
Nguồn: HNX, KIS

Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm



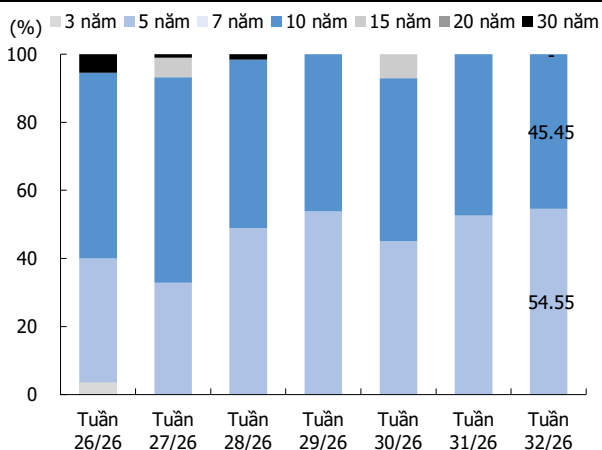
Nguồn: HNX, KIS

Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



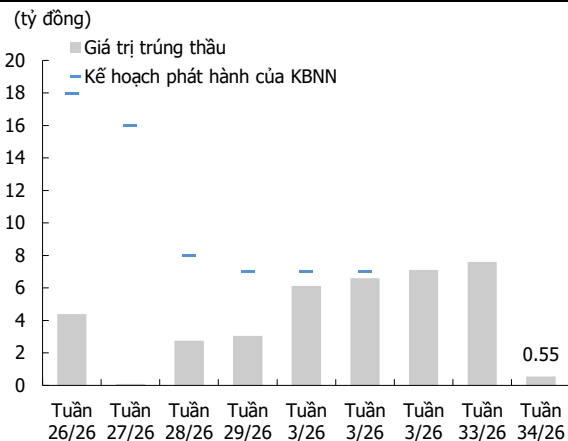
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



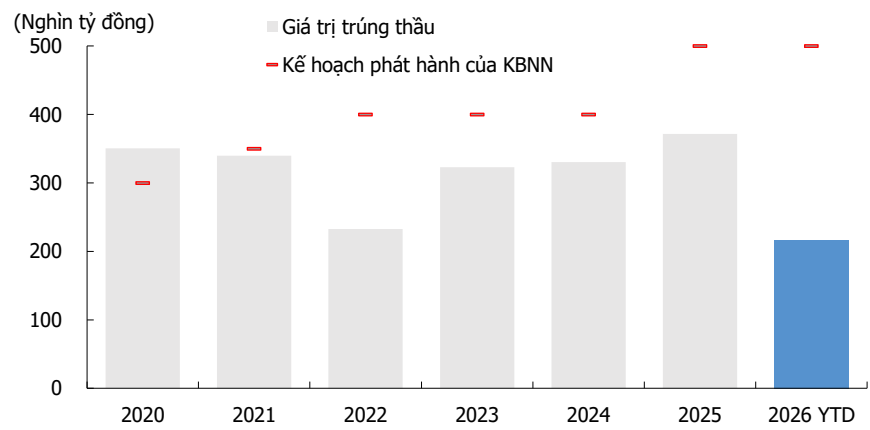
Nguồn: HNX, KIS

Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 23. Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

IV. USDVND tiếp tục hạ nhiệt

USDVND hạ nhiệt tuần thứ 4 liên tiếp

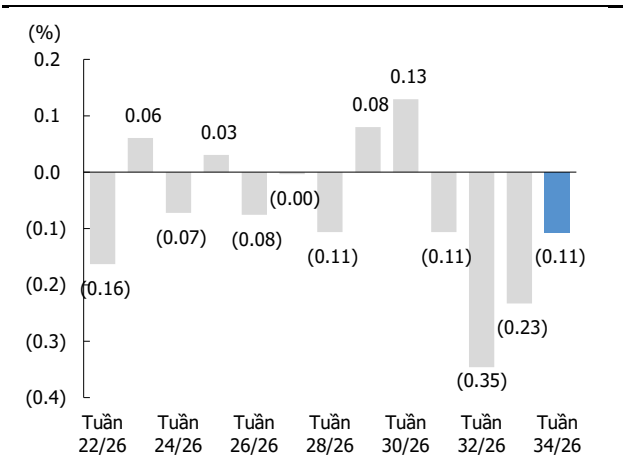
Trong tuần này, tỷ giá USDVND trong nước tiếp tục giảm đồng pha với đà suy yếu của đồng USD trên thị trường quốc tế, đưa chỉ số DXY đóng cửa tại mức 98.8, giảm 0.87% so với tuần trước.

Trên thế giới, đồng bạc xanh sụt giảm mạnh sau những diễn biến liên quan đến hoạt động mua lại trái phiếu của Bộ Tài chính Mỹ, khi cơ quan này bất ngờ tăng gấp đôi quy mô mua lại trái phiếu chính phủ kỳ hạn dài. Đồng USD cũng hạ nhiệt sau biên bản cuộc họp mới nhất của Fed – văn bản vẫn tiếp tục nhấn mạnh những lo ngại về lạm phát. Ngoài ra, bối cảnh đồng USD suy yếu đã hỗ trợ đồng EUR tăng giá, khi thị trường ngày càng kỳ vọng ECB sẽ nâng lãi suất tiền gửi lên 2.50% sau khi lạm phát khu vực đạt 2.9% trong tháng 7.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND giảm 0.11% (tương đương 28 đồng) so với tuần trước xuống mức đóng cửa 26,116, bất chấp khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng trên sàn HoSE. Các nhà đầu tư nước ngoài ghi nhận giá trị rút ròng đạt 2.66 nghìn tỷ đồng, tương đương 3.5% tổng giá trị giao dịch toàn sàn HoSE.

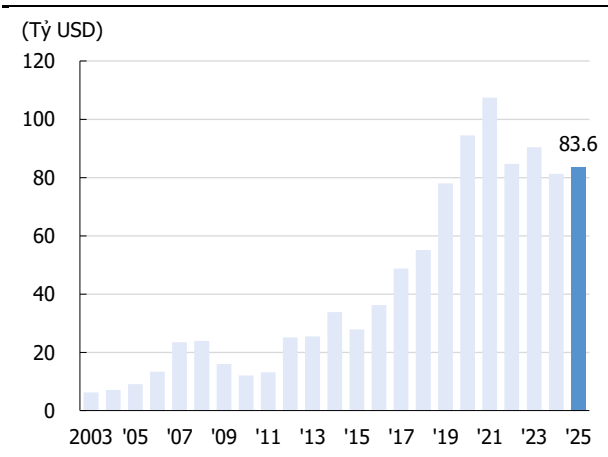
Trên thị trường bán lẻ, tỷ giá USDVND cũng đồng loạt giảm ở các phân khúc. Giá bán USDVND tại Vietcombank giảm 0.19% (tương đương 50 đồng), trong khi tỷ giá trên thị trường tự do giảm 0.15% (tương đương 40 đồng). Tính đến thứ Sáu, giá bán ra đứng ở mức 26,280 tại Vietcombank và 25,910 trên thị trường tự do.

Hình 24: Diễn biến của USDVND theo tuần



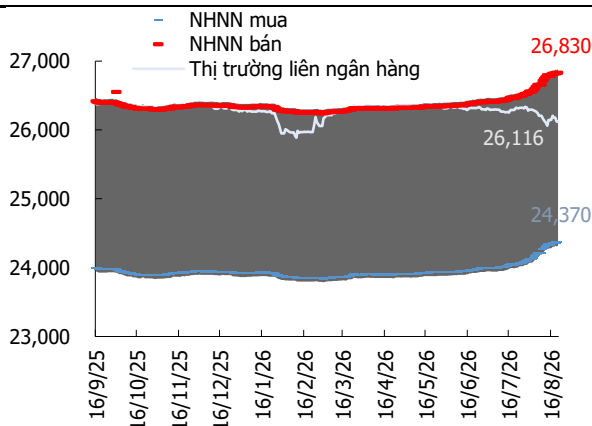
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 25: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam



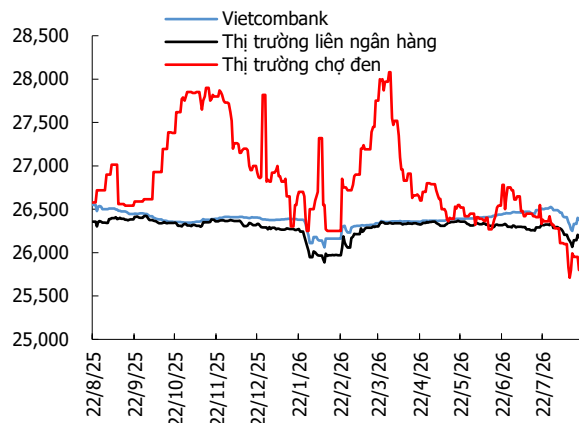
Nguồn: IMF, Bloomberg, KIS

Hình 26: Diễn biến giao dịch của NHNN



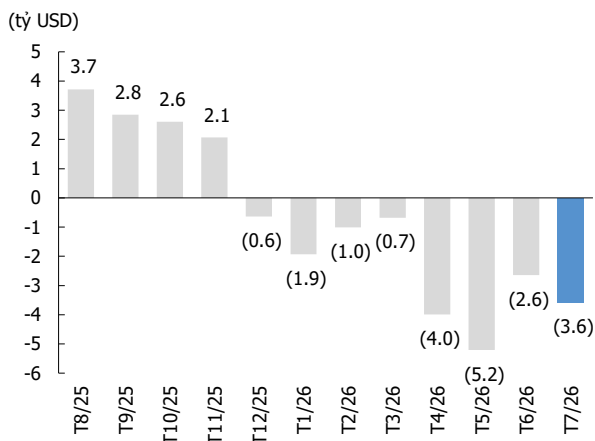
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 27: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



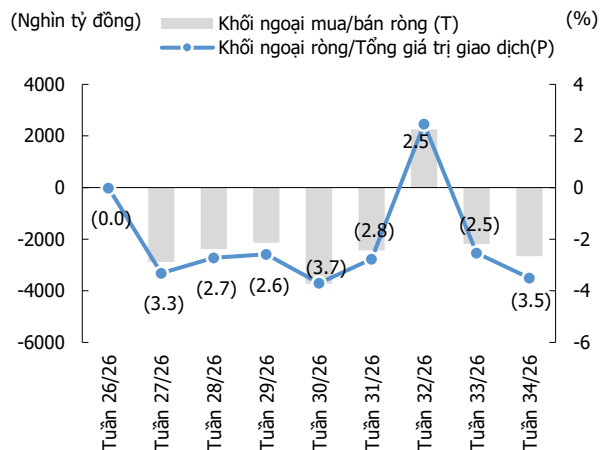
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 28: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



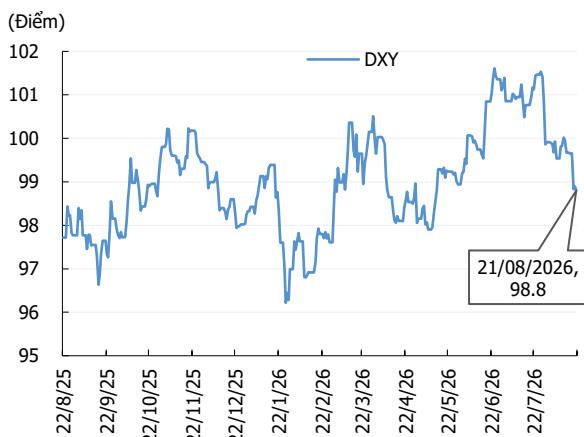
Nguồn: GSO, KIS
Chú thích: Cập nhật đến ngày 06/07/2026

Hình 29: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 30: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 31: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		32W26	33W26	34W26	2026 YTD
Trung Quốc	USDCNY	-0.11	-0.04	-0.32	-3.82
EU	USDEUR	-0.28	-0.10	-0.93	0.57
Mexico	USDMXN	-1.19	-0.65	-0.63	-18.53
Việt Nam	USDVND	-0.35	-0.23	-0.11	-0.60
Canada	USDCNY	-0.58	-0.46	-0.83	-4.62
Thượng Hải	USDTWD	-0.01	-0.84	-0.54	-3.13
Nhật Bản	USDJPY	0.23	0.99	-0.23	1.60
Hàn Quốc	USDKRW	-2.02	0.48	-2.12	-3.69
Thái Lan	USDTHB	-1.03	0.31	-1.43	3.73
DXY	Chỉ số đồng USD	-0.38	0.13	-0.87	0.49

Nguồn: SBV, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T3-26	T4-26	T5-26	T6-26	T7-26	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	2022	2023	2024	2025
Tăng GDP thực (%)						8.16	8.25	8.46	7.83	8.54	4.98	7.04	8.02
FDI đăng ký (USD bn)	9.17	3.04	6.57	9.84	3.41	10.54	7.02	9.88	15.20	27.72	36.61	38.23	38.42
GDP bình quân (USD)										4,110	4,285	4,700	5,026
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.21	2.22	2.21	2.32	2.26	2.24	2.22
Xuất khẩu (tỷ USD)	46.44	45.99	46.93	50.79	53.08	110.62	118.38	126.3	122.93	371.85	355.5	405.5	475.0
Nhập khẩu (tỷ USD)	47.11	49.98	52.14	53.43	56.67	118.83	120.19	123.1	126.57	360.65	327.5	380.8	455.01
Tăng trưởng XK (%)	20.58	22.81	18.52	28.09	24.98	10.62	18.38	19.96	19.08	10.61	-4.4	14.3	17.00
Tăng trưởng NK (%)	27.76	35.56	33.54	45.19	41.42	18.83	20.19	21.28	27.00	8.35	-8.9	16.7	19.40
Lạm phát (%)	4.65	5.46	5.60	4.69	4.45	3.31	3.27	3.44	3.51	3.15	3.25	3.63	3.31
USD/VND	26,342	26,353	26,313	26,312	26,312	26,121	26,427	26,296	26,342	23,650	23,784	25,386	26,296
Tăng trưởng tín dụng (%)	18.24	18.25	18.23	16.70	17.07	19.22	20.10	19.07	15.88	14.2	13.7	13.8	17.87
TPCP 10 năm (%)	4.362	4.37	4.46	4.52	4.54	3.34	3.76	4.19	4.36	5.08	2.39	2.94	4.19

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.